



## Giải pháp phát triển ngành công nghiệp tái chế rác thải nhựa của Việt Nam

○ TS. NGUYỄN ĐÌNH ĐÁP

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

**Ô nhiễm nhựa đang trở thành một trong những thách thức lớn nhất mà các quốc gia đang phải đối mặt. Mỗi năm, lượng chất thải nhựa do con người thải ra trên phạm vi toàn cầu phủ kín 4 lần diện tích bề mặt Trái đất, trong đó, 13 triệu tấn chất thải nhựa được đổ ra đại dương. Việc lạm dụng sử dụng sản phẩm nhựa, nhất là túi nilon khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần đã và đang để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường. Vấn đề ô nhiễm nhựa, đặc biệt là ô nhiễm nhựa đại dương là vấn đề đáng báo động, đã đang và sẽ gây thiệt hại to lớn cho môi trường sinh thái.**

### Hiện trạng sản xuất và tiêu thụ

Theo số liệu của Bộ TN&MT, lượng chất thải nhựa và túi nilon ở Việt Nam hiện ở mức rất cao, chiếm khoảng 8 - 12% trong chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, xấp xỉ

2,5 triệu tấn/năm. Tính riêng các loại túi nilon, ước tính bình quân mỗi hộ gia đình Việt Nam sử dụng 223 túi nilon/tháng, tương đương 1kg túi nilon/hộ/tháng. Ước tính mỗi năm Việt Nam sử dụng và thải bỏ khoảng hơn 30 tỷ túi nilon ra môi trường.

Theo số liệu của Hiệp hội Nhựa Việt Nam, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong mảng nhựa bao bì là 1.353 doanh nghiệp, trong đó, phân khúc bao bì mỏng chủ yếu tập trung các doanh nghiệp nhỏ và hộ gia đình, 13 doanh nghiệp lớn trong phân khúc bao bì màng phức chiếm 41,7% thị phần. Với đặc điểm có giá thành sản xuất rẻ và tiện lợi dụng bất cứ thứ gì có thể, túi nilon và các sản phẩm nhựa dùng một lần đã trở thành vật dụng phổ biến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt của người dân, đặc biệt tại các siêu thị lớn, trung tâm thương mại, chợ truyền thống,... Tuy nhiên, hiện chưa có con số chính thức về

rác thải túi nilon và các sản phẩm từ nhựa trong hoạt động phân phối tiêu dùng.

Tại Việt Nam, nguồn phế liệu nhựa thải ra tới gần 18.000 tấn/ngày, giá phế liệu rất thấp. Do đó, hạt nhựa tái chế từ chất thải nhựa sinh hoạt có giá thấp hơn nhiều so với hạt nhựa nguyên sinh. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa theo thống kê tăng trung bình 20%/năm. Điều này cho thấy, tiềm năng phát triển ngành nhựa tái chế là rất lớn, đồng thời, kinh doanh tái chế chất thải nhựa cũng mang lại nhiều lợi ích. Chẳng hạn như tiết kiệm năng lượng cho sản xuất nhựa nguyên sinh, giúp tiết kiệm tài nguyên không thể tái tạo là dầu mỏ; giải quyết hàng loạt vấn đề môi trường như mất mỹ quan đô thị, tắc nghẽn cống rãnh, suy thoái đất,...

Hiệp hội Nhựa Việt Nam cho rằng, nếu sử dụng được nguồn nguyên liệu nhựa tái chế ở mức 35-50%/năm, các doanh nghiệp



có thể giảm chi phí sản xuất hơn 15%. Trong khi đó, theo Quy Tái chế chất thải TP. Hồ Chí Minh, rác thải nhựa (RTN) chiếm tỷ trọng cao, chỉ sau rác thực phẩm trong CTR đô thị.

Các ngành công nghiệp như xi măng, sắt thép và ngành điện đang phải tiêu thụ một lượng than khổng lồ. RTN không thể tái chế có thể được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy bằng phương pháp đồng xử lý. Từ đó, các nhà máy sẽ cắt giảm được lượng than tiêu thụ nhờ thu hồi năng lượng từ việc đốt RTN không thể tái chế. Hiệu quả năng lượng sẽ cao hơn nhiều so với các nhà máy chuyển đổi rác thải thành năng lượng thông thường.

Với hơn 90 triệu dân, mỗi năm lượng rác thải lại gia tăng thêm 10%, tương đương hàng trăm nghìn tấn rác bị lãng phí. Hiện Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 80% nguyên liệu phục vụ sản xuất, tổng lượng phế liệu nhựa thu mua chỉ khoảng 10% của tổng chất thải nhựa tồn lưu mỗi năm, bị phát tán vào môi trường. Nhìn theo góc độ khác, nhiều doanh nghiệp cho rằng, định kiến của lãnh đạo địa phương đối với đầu tư lĩnh vực này và sự phản ứng tiêu cực từ phía cộng đồng do gây ảnh hưởng chung chất lượng sống của người dân chính là rào cản lớn nhất của cho kế hoạch đầu tư nhà máy tái chế nhựa tại Việt Nam.

### **Một số giải pháp thúc đẩy ngành công nghiệp tái chế nhựa của Việt Nam**

Tại Việt Nam, số lượng các công ty xử lý rác còn quá ít, dẫn tới sự lãng phí "tài nguyên rác" như hiện nay. Với hơn 90 triệu dân, mỗi năm lượng rác thải gia tăng thêm 10%, đồng nghĩa với hàng trăm nghìn tấn rác bị lãng phí. Nếu như số lượng rác này

được tái chế và tái sử dụng, Việt Nam có thể tiết kiệm được một lượng tài nguyên không nhỏ. Lý giải thực tế này, các chuyên gia môi trường cho rằng, có 2 nguyên nhân chính. Một là, do việc thực hiện phân loại rác thải tại nguồn chưa được triển khai đồng bộ và hiệu quả; hai là, chưa có những chính sách ưu đãi đầu tư cần thiết và phù hợp để doanh nghiệp mạnh dạn tham gia đầu tư vào lĩnh vực này.

Chính phủ đang không ngừng khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nhựa Việt Nam đầu tư hơn về công nghệ để tái chế RTN. Điều này có thể giúp hạn chế tình trạng nhập khẩu phế liệu và xử lý tốt nguồn thải nhựa trong nước. Theo đó, Luật BVMT năm 2020 quy định nhà sản xuất, nhập khẩu có 2 trách nhiệm: Trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì - áp dụng đối với sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế (Điều 54) và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải - áp dụng đối với sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế, gây khó khăn cho thu gom, xử lý chất thải (Điều 55). EPR là cách tiếp cận của chính sách môi trường, trong đó, trách nhiệm của nhà sản xuất một loại sản phẩm được mở rộng tới giai đoạn thải bỏ trong vòng đời của sản phẩm đó.

Theo các chuyên gia, tiềm năng phát triển ngành tái chế chất thải tại Việt Nam là rất lớn, nhưng quan trọng là các cơ quan chức năng liên quan cần thực hiện hiệu quả hoạt động phân loại rác tại nguồn. Muốn tái chế và phát triển ngành tái chế để hạn chế RTN ra môi trường, đưa rác thải quay lại phục vụ đời sống thì chúng ta phải làm tốt phân loại rác thải tại nguồn, khâu này là quan trọng nhất. Thế nhưng trong

nước, nhựa phế liệu tuy có nhưng phần lớn đều trộn lẫn với rác thải sinh hoạt và xử lý bằng biện pháp chôn lấp. Số ít thu gom được từ hoạt động ve chai nhưng không đáng kể.

Thể hiện sự quyết tâm đưa ra các mô hình, ứng dụng KHCN nhằm xử lý thực trạng hiện nay, Bộ TN&MT đã có nhiều động thái tích cực. Luật BVMT năm 2020 đã quy định CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân thành 3 loại: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; CTR sinh hoạt khác.

Để khuyến khích phân loại chất thải tại nguồn, giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh, Luật BVMT năm 2020 đã quy định theo hướng ai xả nhiều CTR sinh hoạt hơn sẽ phải trả nhiều tiền hơn thay vì tính phí theo đầu người bình quân như hiện nay. Cùng với đó, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không phân loại hoặc phân loại không đúng quy định thì phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý như đối với CTR sinh hoạt khác.

Trong thời gian tới, Chính phủ cần ban hành nhiều chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại để tái chế chất thải. Đặc biệt, tái chế nhựa không chỉ góp phần giảm lượng chất thải nhựa ra môi trường mà còn tạo ra nguyên liệu phục vụ cho sản xuất các sản phẩm nhựa, nhằm hạn chế việc nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Nếu đẩy mạnh ngành công nghiệp tái chế nhựa trong nước, chúng ta có thể đáp ứng được 50% nguyên liệu cho ngành sản xuất nhựa. ■



Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) căn bản đáp ứng được “ý Đảng, lòng dân” thể hiện qua việc dự thảo đã thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, định hướng của Đảng tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 18, 19, 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và các nghị quyết, kết luận của Đảng về quản lý, sử dụng đất (SDĐ) đai. Dự thảo Luật đã kế

nhiều lần trong dự thảo Luật để bảo đảm cách hiểu thống nhất. Bổ sung việc áp dụng một số trường hợp theo pháp luật chuyên ngành tại Điều 4 như: Trình tự, thủ tục chấp thuận, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án có SDĐ; việc xác lập, thực hiện hợp đồng, giao dịch dân sự đối với QSDĐ, tài sản gắn liền với đất,... Bổ sung các nguyên tắc SDĐ liên quan đến tài nguyên và giá trị đi kèm với đất

làm rõ địa bàn được áp dụng chính sách; sửa đổi quy định tại Điều 20 để đảm bảo vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; bổ sung quy định tại Điều 23 tăng cường trách nhiệm của UBND cấp xã trong nhiệm vụ: quản lý đất chưa sử dụng; xác nhận quyền của người SDĐ; tham gia vào quá trình lập, điều chỉnh, công bố, công khai, quản lý QH, KHSDĐ.

## Một số nội dung cần làm rõ trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

○ GS. TS. TRẦN ĐỨC VIÊN  
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Để hoàn thiện dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), Ban soạn thảo cần làm rõ một số vấn đề về nhận thức và khái niệm trong dự thảo Luật. Đồng thời, Dự thảo Luật và các văn bản dưới luật cũng cần đưa ra bộ nguyên tắc thống nhất, công bằng và minh bạch về quyền tiếp cận đất đai.*

thừa Luật Đất đai năm 2013 và đã sửa đổi, bổ sung nhiều điều, nhiều nội dung theo các góp ý của người dân, doanh nghiệp, nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý và quản trị đất đai; đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới; đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người SDĐ, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các tiêu cực, vi phạm pháp luật trong quản lý và SDĐ.

**Dự thảo Luật đã được rà soát, hoàn thiện**

Dự thảo Luật đã được rà soát, hoàn thiện các khái niệm tại Điều 3 rõ ràng, dễ hiểu, phổ quát cho các vùng miền; bổ sung giải thích một số cụm từ được sử dụng

tại Điều 6. Chính lý quy định tại Điều 10 làm rõ hơn việc phân loại đất để sử dụng vào các mục đích. Rà soát, hoàn thiện Điều 12 tách các khoản riêng về các hành vi bị nghiêm cấm của cơ quan QLNN và của người SDĐ; bổ sung một số hành vi nghiêm cấm đối với cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khi thực hiện chức năng QLNN của mình.

Dự thảo Luật cũng điều chỉnh quy định Điều 17 theo hướng Thủ tướng Chính phủ ban hành khung chính sách về hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trên cơ sở đó UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời,

Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã bổ sung tại Điều 32 quy định người SDĐ đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê được lựa chọn chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và tiền thuê đất đã nộp được khấu trừ vào tiền thuê đất hàng năm phải nộp; bổ sung quy định đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền SDĐ có nhu cầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ thì được lựa chọn chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với phần diện tích đó; bổ sung trách nhiệm của



Bộ Nội vụ và UBND các cấp trong việc xác định địa giới hành chính trên thực địa, lập hồ sơ địa giới hành chính của địa phương và việc sử dụng, cung cấp hồ sơ địa chính cho công tác quản lý đất đai; bổ sung các quy định về giải quyết tranh chấp địa giới hành chính,...

### **Một số vấn đề cần làm rõ**

Bên cạnh những nội dung đã hoàn thiện, Ban soạn thảo cần làm rõ một số vấn đề về nhận thức và khái niệm trong dự thảo Luật. Cụ thể, về giải thích từ ngữ (Điều 3), tần suất xuất hiện hai từ “đất” (4.655/80.381 lần) và “đất đai” (494/80.381 lần) khá lớn, nên cần nhắc bổ sung hai khái niệm này để tránh nhầm lẫn vì về bản chất “đất” và “đất đai” là khác nhau. Tương tự, từ “nhà nước” xuất hiện với tần suất 627/80.381 lần, cũng nên được giải thích “nhà nước” cụ thể trong ngữ cảnh của Luật Đất đai nghĩa là gì, để toàn dân đều có thể hiểu đúng và cán bộ thừa hành công vụ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ.

Với khái niệm “toàn dân”, toàn dân có nghĩa là phải có “dân” trong đó, quyền của họ ở đâu và đến đâu trong việc quyết định số phận và giá cả tài nguyên đất “toàn dân” và mảnh đất họ đang được giao quyền sử dụng. Vì vậy, dự thảo Luật cần làm rõ quyền của Nhà nước như thế nào, quyền của cộng đồng dân cư địa phương nơi có đất như thế nào, quyền của những người đang SDD như thế nào?

Thêm nữa, theo hiến định, “toàn dân” mới là chủ thể nắm quyền sử dụng đất đai, không phải “nhà nước”, nhà nước chỉ được trao quyền quản lý, các kế ước xã hội về việc trao quyền này, cần được thể hiện rõ trong

dự thảo luật như thế nào? Hơn nữa, có một thực tế là, có một bộ phận cán bộ trong bộ máy công quyền khi nói đến “quản lý” thường nghĩ ngay tới công cụ hành chính mà không hiểu “quản lý nhà nước” còn bao gồm cả quyền lập pháp và tư pháp; và khi thực thi công vụ, họ phải hiểu là họ đang đứng trước Nhân dân, một bộ phận của “toàn dân”, để có thái độ và cách ứng xử phù hợp.

Có ý kiến cho rằng, “quyền sử hữu” hay “quyền sử dụng” không mấy quan trọng, đó chỉ là vấn đề từ ngữ, đó chỉ là khái niệm; và vì thế, phần nhiều mang tính biểu tượng. Vấn đề là hiệu quả SDD cao và xã hội ổn định. Nhưng thực tế trong nhiều năm qua, hiệu quả SDD không cao và xã hội có nhiều bất ổn có nguyên do từ quản lý đất đai. Hơn nữa, tính chính danh rất quan trọng, danh chính thì ngôn thuận, nên các khái niệm dù là nhỏ nhất vẫn cần phải được xã hội thông hiểu rõ ràng, được cuộc sống chấp nhận, để được toàn dân hiểu đúng và làm đúng.

Dự thảo Luật và các văn bản dưới Luật cần đưa ra được một bộ nguyên tắc thống nhất, công bằng và minh bạch về quyền tiếp cận đất đai.

Bản chất quyền sử dụng đất đai chính là nền tảng hoạch định chính sách phát triển kinh tế quốc gia. Để hiểu rõ khái niệm này, dự thảo Luật phải quy định rõ ràng và thuyết phục về nhà nước trung ương được làm những gì và không được làm những gì; chính quyền cấp tỉnh, huyện, xã được làm những gì và không được làm những gì; cơ quan quản lý chuyên ngành nhà nước (Bộ TN&MT và cấp dưới của cơ quan này) được

làm những gì và không được làm những gì; và quyền của người dân đến đâu?

Kiến nghị Ban soạn thảo làm rõ “quyền tài sản” và “được pháp luật bảo hộ” về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế (theo Hiến pháp năm 2013) để đạt được sự thông hiểu và đồng thuận của toàn dân, của xã hội.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cần phân định rạch ròi giữa chức năng QLNN với chức năng công vụ của các nhiệm vụ cụ thể, hai việc này phải tách bạch và độc lập (tương đối) với nhau, không thể để cùng một cơ quan QLNN về đất đai vừa đá bóng vừa thổi còi. Các vụ vi phạm luật pháp về quản lý đất đai chủ yếu do người dân và báo chí phát hiện, không từ các cơ quan chức năng nhà nước. Sự thiếu rõ ràng của chức năng QLNN và chức năng công vụ của cơ quan và cá nhân thừa hành là một trong các nguyên nhân dẫn đến khiếu kiện, vi phạm và bất ổn xã hội có liên quan đến đất đai.

Dự thảo Luật và các văn bản dưới Luật cũng cần đưa ra được một bộ nguyên tắc thống nhất, công bằng và minh bạch về quyền tiếp cận đất đai. Nếu có một bộ nguyên tắc được áp dụng thì ít nhất các QSDĐ, các điều kiện trong việc chuyển giao các quyền này và cơ chế giải quyết các xung đột sẽ được đảm bảo nhất quán như nhau giữa những người có QSDĐ, theo một quy trình cho trước và được thực hiện một cách công bằng, minh bạch và không thể thiên vị, diễn giải sai lệch. ■